

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CM
TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 3 – 2019

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thi Văn Trí
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CM, tỉnh CM.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CM, tỉnh CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1053/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1969. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 229/44B, PBC, khóm B, phường B, thành phố CM, tỉnh CM.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Công Đ, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 126, đường QT, khóm N, phường N, thành phố CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Công Đ xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1993; hôn nhân tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố CM, tỉnh CM vào năm 1999. Thời gian chung sống, bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau nên năm 2008 ông Đ bỏ đi; bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hồ Công Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 01 người con chung tên Hồ Cẩm T, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Đ không có nợ chung, không ai nợ lại.

Đối với ông Hồ Công Đ: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo cho ông Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông Đ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Công Đ có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; ông Đ hiện cư trú tại thành phố CM; ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố CM thụ lý giải quyết và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Công Đ có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của bà M và ông Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thời gian chung sống, bà M xác định bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên ông Đ bỏ đi, vợ chồng ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ. Ông Đ đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, triệu tập hợp lệ ông Đ tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Điều đó chứng tỏ Đ không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà M. Xét mâu thuẫn của bà M và ông Đ có xảy ra nhưng không ai có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của bà M và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của ông, bà không còn tồn tại đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M ly hôn ông Đ

[3] Về con chung: Bà M xác định con chung của bà và ông Đ tên Hồ Cẩm T, sinh năm 1995, đã trưởng thành khỏe mạnh, bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà M xác định bà và ông Đ không có tài sản chung. Bà không yêu cầu về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà M xác định bà và ông Đ không có nợ chung và không ai nợ lại ông, bà, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà M và ông Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
 - Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
 - Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- 1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn ông Hồ Công Đ.
 - 2 - Về con chung: Có 01 người con tên Hồ Cẩm T, sinh năm 1995, đã trưởng thành. Bà M không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
 - 3 - Về tài sản chung: Bà M xác định bà và ông Đ không có tài sản chung. Bà M không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét.
 - 4 - Về nợ chung: Bà M xác định bà và ông Đ không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.
 - 5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà M phải chịu 300.000đ. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM (biên lai số 0001760) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.
 - 6 - Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.CM;
- THADS Tp.CM;
- UBND phường 7, Tp.CM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân